

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG**

NGUYỄN THỊ PHƯƠNG

**GIẢI PHÁP TĂNG CƯỜNG HUY ĐỘNG VỐN
TẠI NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN
NGOẠI THƯƠNG VIỆT NAM -
CHI NHÁNH QUY NHƠN**

Chuyên ngành: Tài chính và Ngân hàng

Mã số: 60.34.20

TÓM TẮT LUẬN VĂN THẠC SĨ QUẢN TRỊ KINH DOANH

Đà Nẵng - Năm 2012

Công trình được hoàn thành tại

ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG

Người hướng dẫn khoa học: PGS.TS. NGUYỄN NGỌC VŨ

Phản biện 1: TS. Nguyễn Hòa Nhân

Phản biện 2: PGS. TS. Đỗ Tất Ngọc

Luận văn đã được bảo vệ trước Hội đồng chấm Luận văn tốt nghiệp Thạc sĩ Quản trị Kinh doanh họp tại Đại học Đà Nẵng vào ngày 26 tháng 01 năm 2013

Có thể tìm hiểu luận văn tại:

- Trung tâm Thông tin - Học liệu, Đại học Đà Nẵng
- Thư viện trường Đại học Kinh tế, Đại học Đà Nẵng

MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của đề tài

Vốn là một trong những yếu tố đầu vào cơ bản của quá trình hoạt động kinh doanh của mỗi doanh nghiệp. Chúng ta cần khẳng định rằng không thể thực hiện được các mục tiêu kinh tế xã hội nói chung của Nhà nước cũng như các mục tiêu kinh doanh của doanh nghiệp nói riêng nếu như không có vốn. Đối với các NHTM với tư cách là một doanh nghiệp, một định chế tài chính trung gian hoạt động trong lĩnh vực tiền tệ thì vốn lại có một vai trò hết sức quan trọng. Huy động các nguồn vốn khác nhau trong xã hội là một trong những hoạt động quan trọng nhất của các NHTM. Đặc biệt là các ngân hàng có quy mô lớn. Vì vậy các NHTM rất chú trọng đến công tác huy động vốn, nó quyết định đến sự tồn tại của mỗi ngân hàng.

Thực tế cho thấy hoạt động huy động vốn của các NHTM hiện nay lại lâm vào tình trạng khó khăn hơn bao giờ hết. Một trong những nguyên nhân là do cuộc suy thoái đã ảnh hưởng đến thu nhập của từng người dân, làm giảm đi lượng tiền nhàn rỗi từ dân cư. Bên cạnh đó, lượng tiền nhàn rỗi này lại không chảy vào các NHTM mạnh mẽ như trước nữa bởi vì một phần lớn đã chảy vào các kênh đầu tư khác hấp dẫn hơn như vàng, chứng khoán... đã làm cho tình hình huy động vốn của các NHTM trở nên khó khăn hơn. Làm thế nào để thu hút khách hàng? Làm sao để tăng lượng vốn huy động? Đó là bài toán đau đầu và nan giải nhất của các NHTM hiện nay.

Nằm trong hệ thống các ngân hàng thương mại quốc doanh, giữ vai trò chủ lực thúc đẩy phát triển kinh tế đất nước, Ngân hàng Ngoại thương Việt Nam (NHNTVN) là ngân hàng quốc doanh đầu tiên tiến hành cổ phần hoá - IPO vào tháng 10/2007. Với tên gọi hiện nay là Ngân hàng TM CP ngoại thương Việt Nam (Vietcombank -

VCB), với mạng lưới chi nhánh rộng khắp trong cả nước, VCB đã và đang tiếp tục khẳng định vị thế hàng đầu của mình trong công tác huy động vốn đáp ứng nhu cầu tín dụng cho mọi thành phần kinh tế. Nguồn vốn huy động của VCB đã liên tục tăng trưởng qua các năm nhưng so với yêu cầu thì những kết quả đạt được còn khá khiêm tốn.

Trong bối cảnh chung đó, Ngân hàng TM CP ngoại thương Việt Nam, chi nhánh Quy Nhơn đã và đang rất chú trọng đến chỉ tiêu huy động vốn và xem đây là một trong những chỉ tiêu trọng tâm phải hoàn thành trong kế hoạch kinh doanh hàng năm. Đến thời điểm tháng 6 năm 2012, trên địa bàn tỉnh Bình Định đã có hơn 24 chi nhánh ngân hàng, cùng theo đó là hơn 100 phòng giao dịch đã khiến cho thị trường tài chính ngày càng bị thu hẹp với điều kiện cạnh tranh đã trở nên ngày càng gay gắt và khốc liệt hơn. Việc hoàn thành các chỉ tiêu huy động vốn tại Vietcombank Quy Nhơn đã trở nên khó khăn hơn do vậy yêu cầu cần phải có một sự đánh giá đúng mực, đồng thời phải có những giải pháp, những cách tiếp cận mới để có thể hoàn thành công tác huy động vốn.

Xuất phát từ những lý do trên, tôi đã lựa chọn đề tài làm luận văn thạc sĩ là: ***“Giải pháp tăng cường huy động vốn tại Ngân hàng thương mại cổ phần Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Quy Nhơn”***.

2. Mục tiêu nghiên cứu

Nghiên cứu những vấn đề lý luận về hoạt động huy động vốn.

Phân tích đánh giá thực trạng huy động vốn tại Vietcombank Quy Nhơn trong mối quan hệ với sử dụng vốn có hiệu quả. Đánh giá các yếu tố tác động bên ngoài cũng như những nội tại bên trong của

ngân hàng làm ảnh hưởng đến năng lực huy động vốn cũng như sự phát triển của chi nhánh trong thời gian qua.

Đưa ra các giải pháp nhằm tăng cường công tác huy động vốn, đáp ứng các mục tiêu hoạt động tại Vietcombank Quy Nhơn.

3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

Trong phạm vi giới hạn của mình, luận văn tập trung vào đối tượng nghiên cứu là các khách hàng TCKT và khách hàng cá nhân của VCB Quy Nhơn trong thời gian 3 năm (2009–2011) và từ đó đưa ra các giải pháp thực hiện trong thời gian 5 năm tới cho chi nhánh.

Về phạm vi nghiên cứu : Luận văn nghiên cứu giới hạn về nội dung của khái niệm huy động vốn từ các tổ chức, cá nhân dưới hình thức tiền gửi không kỳ hạn, tiền gửi có kỳ hạn, tiền gửi tiết kiệm, phát hành chứng chỉ tiền gửi, kỳ phiếu, tín phiếu và các hình thức nhận tiền gửi khác theo nguyên tắc có hoàn trả đầy đủ tiền gốc, lãi cho người gửi tiền theo thỏa thuận và từ thực tế công tác huy động vốn tại VCB Quy Nhơn trong thời gian từ năm 2009 - 2011.

4. Phương pháp nghiên cứu

Đây là một đề tài nghiên cứu ứng dụng nên phương pháp nghiên cứu ở đây là sử dụng các mô hình lý thuyết về cạnh tranh, đi sâu nghiên cứu về tăng cường công tác huy động vốn tại NH TMCP Ngoại Thương Việt Nam - Chi nhánh Quy Nhơn.

Căn cứ vào các chỉ tiêu phản ánh đánh giá hiệu quả công tác huy động vốn, luận văn sẽ tiến hành nghiên cứu và sử dụng các kỹ thuật phân tích thực trạng của huy động và khả năng mở rộng cũng như nâng cao hiệu quả công tác huy động vốn của Vietcombank Quy Nhơn trong giai đoạn 2009-2011.

Trên cơ sở đánh giá về thực trạng và định hướng của Ngân hàng TM CP Ngoại thương VN – Chi nhánh Quy Nhơn, các giải

pháp và kiến nghị sẽ được trình bày để góp phần tăng cường huy động vốn tại Ngân hàng này.

Trong quá trình nghiên cứu, hoàn thiện luận văn dựa trên cơ sở vận dụng phép duy vật biện chứng, duy vật lịch sử, kết hợp với các phương pháp thống kê, tổng hợp, phân tích, so sánh...

Dựa vào các tài liệu, số liệu đã công bố để phân tích, đánh giá để từ đó đưa ra kết luận, đúc kết kinh nghiệm từ thực tiễn.

5. Bố cục đề tài

Mở đầu

Chương 1. Cơ sở lý luận về hoạt động huy động vốn của các ngân hàng thương mại.

Chương 2. Thực trạng huy động vốn tại Ngân hàng TM CP Ngoại Thương Việt Nam - Chi nhánh Quy Nhơn.

Chương 3. Giải pháp tăng cường huy động vốn tại Ngân hàng TM CP Ngoại Thương Việt Nam - Chi nhánh Quy Nhơn.

Kết luận

6. Tổng quan tài liệu nghiên cứu

CHƯƠNG 1

CƠ SỞ LÝ LUẬN VỀ HOẠT ĐỘNG HUY ĐỘNG VỐN CỦA CÁC NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI

1.1. NGUỒN VỐN CỦA NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI

1.1.1. Vốn chủ sở hữu

Điều kiện đầu tiên để ngân hàng được luật pháp cho phép đi vào hoạt động là phải có vốn chủ sở hữu. Đây là loại vốn ngân hàng có thể sử dụng lâu dài trong quá trình hoạt động của mình. Nguồn hình thành nên vốn chủ sở hữu bao gồm: nguồn hình thành ban đầu (Vốn điều lệ), nguồn vốn bổ sung trong quá trình hoạt động của ngân hàng, nguồn vay nợ có khả năng chuyển đổi thành cổ phần và các quỹ.

1.1.2. Vốn huy động dưới hình thức tiền gửi

Nguồn vốn huy động dưới hình thức tiền gửi chiếm tỷ trọng rất lớn trong tổng nguồn vốn kinh doanh của NHTM, bao gồm: Tiền gửi thanh toán, tiền gửi có kỳ hạn, tiền gửi tiết kiệm, phát hành giấy tờ có giá.

1.1.3. Nguồn đi vay

Tỷ trọng nguồn đi vay thấp hơn so với nguồn tiền gửi. Không như nguồn huy động dưới hình thức tiền gửi, NHTM không cần thiết phải đi vay thường xuyên. Chỉ khi nào có nhu cầu thực sự thì mới đi vay và hoàn toàn chủ động quyết định số tiền vay phù hợp với nhu cầu sử dụng. Việc đi vay này phụ thuộc rất lớn vào chính sách tiền tệ trong từng thời kỳ.

1.1.4. Nguồn khác

Nguồn khác này bao gồm: Vốn tiếp nhận từ các tổ chức tài chính, các quỹ; vốn Ngân sách Nhà nước cấp để thực hiện các chương trình, dự án về phát triển kinh tế xã hội, cải tạo môi sinh;

vốn tiếp nhận để cho vay ủy thác; vốn chiếm dụng của khách hàng trong quá trình hoạt động của ngân hàng (đại lý, chuyển tiền, các dịch vụ ngân hàng, thuế chưa nộp, lương chưa trả ...).

1.2. HOẠT ĐỘNG HUY ĐỘNG VỐN CỦA NHTM

1.2.1. Vốn huy động của NHTM

Vốn huy động là tài sản bằng tiền của các tổ chức và cá nhân mà ngân hàng đang tạm thời quản lý và sử dụng với trách nhiệm hoàn trả. Vốn huy động là nguồn vốn chủ yếu, nguồn tài nguyên to lớn nhất và quan trọng nhất của NHTM.

Theo luật các TCTD Việt Nam số 47/2010/QH12 ngày 16/6/2010, có hiệu lực từ ngày 01/01/2011, NHTM được huy động vốn dưới các hình thức sau đây:

- Nhận tiền gửi của tổ chức, cá nhân và các TCTD khác dưới hình thức tiền gửi không kỳ hạn, tiền gửi có kỳ hạn, tiền gửi tiết kiệm và các loại tiền gửi khác.

- Phát hành chứng chỉ tiền gửi, kỳ phiếu, tín phiếu, trái phiếu để huy động vốn trong nước và nước ngoài.

- Vay vốn của NHNN dưới hình thức tái cấp vốn theo quy định của Luật NHNN Việt Nam.

- Vay vốn của TCTD, tổ chức tài chính trong nước và nước ngoài theo quy định của pháp luật.

1.2.2. Các hình thức huy động vốn của Ngân hàng Thương mại

a. Huy động vốn từ tiền gửi thanh toán

Tiền gửi thanh toán là loại tiền gửi không kỳ hạn trước hết được sử dụng cho mục đích thanh toán không dùng tiền mặt mà người gửi được sử dụng một cách chủ động và linh hoạt, sẵn sàng đáp ứng nhu cầu chi tiêu, chi trả, thanh toán hàng hóa, dịch vụ và các

khoản phí phát sinh một cách an toàn, thuận lợi.

b. Huy động vốn từ tiền gửi có kỳ hạn

Tiền gửi có kỳ hạn là loại tiền gửi mà khách hàng gửi vào ngân hàng có sự thỏa thuận trước về lãi suất và thời hạn rút tiền, áp dụng chủ yếu cho đối tượng khách hàng là TCKT.

c. Huy động vốn từ tiền gửi tiết kiệm

Tiền gửi tiết kiệm là khoản tiền của cá nhân gửi vào ngân hàng, được xác nhận trên thẻ tiết kiệm, được hưởng lãi theo quy định của tổ chức nhận tiền gửi và được bảo hiểm theo quy định của pháp luật về bảo hiểm tiền gửi.

d. Huy động vốn từ giấy tờ có giá

Giấy tờ có giá là chứng nhận của TCTD phát hành để huy động vốn trong đó xác nhận nghĩa vụ trả nợ một khoản tiền gửi trong một thời hạn nhất định, điều kiện trả lãi và các điều khoản cam kết khác giữa TCTD và người mua.

1.2.3. Vai trò của hoạt động huy động vốn

a. Đối với nền kinh tế

Hệ thống NHTM đóng vai trò rất quan trọng trong sự phát triển của nền kinh tế. Trong suốt quá trình vận hành của mình, nền kinh tế luôn xảy ra tình trạng có nơi thừa vốn và cũng có nơi thiếu vốn. Với chức năng của mình, thông qua huy động vốn, hệ thống ngân hàng đã tập trung các nguồn vốn tạm thời nhàn rỗi của xã hội.

b. Đối với NHTM

Huy động vốn là hoạt động nền tảng và quan trọng trong hoạt động của NHTM. Mặc dù không mang lại lợi nhuận trực tiếp cho ngân hàng nhưng nó là yếu tố quan trọng nhất nhằm giúp cho NHTM thực hiện các nghiệp vụ kinh doanh của mình. Nghiệp vụ huy động vốn có ý nghĩa rất quan trọng đối với các NHTM.

c. Đối với khách hàng

Thông qua hoạt động huy động vốn, NHTM đã cung cấp cho khách hàng một kênh tiết kiệm và đầu tư nhằm mục đích sinh lời cho đồng tiền họ đang nắm giữ. Là nơi an toàn để cất giữ và tích lũy vốn tạm thời nhàn rỗi. Có thể nói rằng gửi tiền qua ngân hàng là kênh đầu tư ít rủi ro nhất.

1.2.4. Tiêu chí đánh giá hoạt động huy động vốn

a. Mức tăng trưởng về quy mô huy động vốn

Đây là chỉ tiêu đánh giá tổng số dư huy động vốn / Tổng nguồn vốn của một NHTM tại một thời điểm nhất định.

Quy mô huy động vốn là một chỉ tiêu phản ánh chất lượng hoạt động của NHTM. Quy mô huy động gia tăng đáp ứng cho hoạt động tài trợ của ngân hàng không ngừng tăng trưởng sẽ tạo điều kiện để NHTM mở rộng hoạt động, thanh khoản được cải thiện và nguồn vốn hoạt động của ngân hàng được ổn định.

b. Mức tăng trưởng về thị phần huy động vốn trên địa bàn

Thị phần huy động vốn là tỷ trọng của huy động vốn của một NHTM / Tổng huy động vốn của các NHTM trên địa bàn.

Thị phần được hiểu là phần thị trường mà các sản phẩm, dịch vụ của NHTM đã thâm nhập một cách thành công và mang lại phần lợi nhuận đáng kể cho ngân hàng. Một NHTM đang nắm giữ thị phần đối với một sản phẩm nào đó tức là đã thu hút được một số lượng khách hàng khá lớn ưa thích sử dụng sản phẩm đó hơn so với các đối thủ cạnh tranh cung cấp sản phẩm cùng loại. Tăng trưởng huy động vốn đồng nghĩa với việc tăng trưởng thị phần cung cấp sản phẩm này và các dịch vụ đi kèm trên thị trường huy động vốn.

c. Cơ cấu vốn huy động

Cơ cấu vốn huy động là tỷ trọng mỗi nguồn vốn / tổng nguồn vốn huy động tại mỗi NHTM tùy theo từng tiêu thức phân loại nguồn vốn nhất định. Hiện nay, nguồn vốn huy động được phân theo các tiêu thức sau:

- *Cơ cấu vốn huy động theo hình thức tiền gửi*
- *Cơ cấu vốn huy động theo kỳ hạn*
- *Cơ cấu vốn huy động theo loại tiền*
- *Cơ cấu vốn huy động theo đối tượng khách hàng*

d. Kiểm soát chi phí huy động vốn

Chi phí huy động vốn của các NHTM bao gồm chi phí trả lãi (trả lãi tiền gửi huy động và lãi tiền vay) và các khoản chi phí phi lãi mà ngân hàng phải bỏ ra để huy động vốn.

e. Rủi ro trong công tác huy động vốn

Rủi ro lãi suất

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro hoạt động

1.2.5. Các nhân tố ảnh hưởng đến huy động vốn của NHTM

a. Những nhân tố khách quan

Môi trường kinh tế vĩ mô.

Sự thay đổi trong chính sách tiền tệ của NHNN.

Môi trường văn hóa.

Môi trường dân cư.

Thu nhập.

b. Những nhân tố chủ quan

Lãi suất.

Uy tín và năng lực tài chính của ngân hàng.

Chiến lược kinh doanh của ngân hàng.

Chất lượng, tiện ích và mức độ đa dạng của sản phẩm dịch vụ ngân hàng.

Chính sách khách hàng.

Thương hiệu của ngân hàng.

Cơ sở vật chất kỹ thuật.

KẾT LUẬN CHƯƠNG 1

Trong chương 1, đề tài đã nêu được cơ cấu nguồn vốn của NHTM. Từ đó đề cập đến hoạt động huy động vốn của NHTM, các hình thức huy động vốn, vai trò và các tiêu chí đánh giá hoạt động huy động. Đồng thời đã nêu ra được các nhân tố ảnh hưởng đến hoạt động huy động vốn của NHTM. Đưa ra được các nhân tố khách quan tác động đến tình hình huy động vốn của các ngân hàng thương mại cũng như các nhân tố chủ quan do chính bản thân nội tại của các ngân hàng gây ra.

CHƯƠNG 2

THỰC TRẠNG HUY ĐỘNG VỐN TẠI NH TMCP

NGOẠI THƯƠNG VIỆT NAM – CHI NHÁNH QUY NHƠN

2.1. GIỚI THIỆU CHUNG VỀ NGÂN HÀNG TMCP NGOẠI THƯƠNG VIỆT NAM - CHI NHÁNH QUY NHƠN

2.1.1. Quá trình ra đời và phát triển của Vietcombank Quy Nhơn

2.1.2. Cơ cấu tổ chức của Vietcombank Quy Nhơn

2.1.3. Kết quả hoạt động kinh doanh của Vietcombank Quy Nhơn từ năm 2009-2011

Mặc dù đứng trước những khó khăn, thách thức đó bên cạnh tình hình cạnh tranh khốc liệt, thị phần bị chia sẻ bởi có quá nhiều ngân hàng trên địa bàn, chi nhánh Vietcombank Quy Nhơn là một trong những ngân hàng lớn trên địa bàn, phát triển theo hướng đa năng hóa, uy tín được khách hàng tin tưởng nên kết quả hoạt động kinh doanh qua các năm tương đối khả quan.

a. Tình hình nguồn vốn từ năm 2009-2011

Từ năm 2009-2011, tổng nguồn vốn của Vietcombank Quy Nhơn tăng dần qua các năm cả về số tương đối và số tuyệt đối.

Trong năm 2011, tổng nguồn vốn của chi nhánh là 4.538 tỷ đồng, tăng 833 tỷ đồng (tăng 22,48%) so với năm 2010. Trong đó vốn huy động tăng 210 tỷ đồng (tăng 20,21%), vay Vietcombank TW tăng 471 tỷ đồng (tăng 19,60%).

b. Tình hình cho vay từ năm 2009-2011

Trong năm 2011, tổng dư nợ cho vay của Vietcombank Quy Nhơn là 2.956 tỷ đồng, tăng 480 tỷ đồng (tăng 20,20%) so với năm 2010. Trong đó cho vay ngắn hạn là 2.499 tỷ đồng (chiếm 84,54%

tổng dư nợ), cho vay trung dài hạn là 457 tỷ đồng (chiếm 15,46% tổng dư nợ).

c. Kết quả hoạt động kinh doanh từ năm 2009-2011

Mặc dù đứng trước nhiều khó khăn, thách thức nhưng là một ngân hàng lớn trên địa bàn tỉnh Bình Định nên kết quả hoạt động kinh doanh của Vietcombank Quy Nhơn trong 3 năm qua tương đối khả quan. Chênh lệch thu chi năm 2011 đạt 125 tỷ đồng, tăng 123,21% so với chênh lệch thu chi năm 2010. Tổng thu nhập đạt 668 tỷ đồng và tổng chi phí là 543 tỷ đồng.

2.2. THỰC TRẠNG HUY ĐỘNG VỐN TẠI NGÂN HÀNG TM CP NGOẠI THƯƠNG VIỆT NAM - CHI NHÁNH QUY NHƠN

2.2.1. Về quy mô huy động vốn

Tổng nguồn vốn quy VNĐ đến 31/12/2011 đạt 4.538 tỷ đồng, tăng 833 tỷ đồng (tăng 22,48%) so với 31/12/2010. Trong cơ cấu nguồn vốn, vốn huy động quy VNĐ tăng 20,21% so với 31/12/2010, chiếm tỷ trọng 27,52% tổng nguồn vốn. So với kế hoạch TW giao năm 2011 thì huy động vốn quy VNĐ đến thời điểm 31/12/2011 đạt 96,22% kế hoạch TW giao.

2.2.2. Về thị phần huy động vốn trên địa bàn tỉnh Bình Định

Trên địa bàn tỉnh Bình Định, Vietcombank Quy Nhơn đang phải chịu sự cạnh tranh gay gắt của 24 chi nhánh ngân hàng trên địa bàn, vì vậy sự chia sẻ thị phần huy động vốn là điều không thể tránh khỏi. Nếu như năm 2009, thị phần của Vietcombank Quy Nhơn là 7,36% thì đến năm 2011, con số này chỉ còn là 7,08%. Còn kém xa so với các ngân hàng Nông Nghiệp, BIDV và đang bị các đối thủ rút ngắn khoảng cách (Vietinbank, Sacombank...).

2.2.3. Về cơ cấu huy động vốn

a. Cơ cấu huy động vốn theo hình thức tiền gửi

Với mục tiêu đa dạng hóa các sản phẩm huy động vốn nhằm thu hút ngày càng nhiều hơn nguồn vốn nhàn rỗi từ các thành phần kinh tế trong xã hội. Thời gian qua Vietcombank Quy Nhơn đã áp dụng nhiều hình thức huy động và kết quả đạt được cũng tương đối khả quan.

b. Cơ cấu huy động vốn theo kỳ hạn

Cũng như các NHTM khác trên địa bàn thì tại Vietcombank Quy Nhơn tiền gửi ngắn hạn qua các năm luôn chiếm chủ yếu trong tổng nguồn vốn tiền gửi huy động. Việc huy động tiền gửi ngắn hạn với tỷ trọng cao có thể giúp ngân hàng chủ động hơn trong việc kiểm soát rủi ro lãi suất trong ngắn hạn. Tuy nhiên, có thể làm gia tăng rủi ro thanh khoản của ngân hàng trong ngắn hạn bởi nguồn vốn ngắn hạn kém ổn định hơn so với nguồn vốn trung và dài hạn.

c. Cơ cấu huy động vốn theo loại tiền

Năm 2011, vốn huy động VNĐ đạt 980 tỷ đồng, chiếm tỷ trọng 78,46% trên tổng nguồn vốn huy động. Vốn huy động USD quy VNĐ đạt 269 tỷ đồng, chiếm tỷ trọng 21,54% trên tổng nguồn vốn huy động. So với năm 2010, vốn huy động VNĐ tăng 190 tỷ đồng (tương đương 24,05%), vốn huy động USD quy VNĐ tăng 20 tỷ đồng (tương đương 8,03%).

d. Cơ cấu huy động vốn theo đối tượng khách hàng

Tổng huy động vốn từ dân cư tăng lên qua các năm. Nếu năm 2009, con số này là 491 tỷ đồng thì năm 2010 là 687 tỷ đồng và năm 2011 là 924 tỷ đồng. Trong tổng huy động vốn từ dân cư thì tiền gửi có kỳ hạn chiếm một tỷ trọng rất lớn. Năm 2009, tiền gửi có kỳ hạn chiếm 86,77%, năm 2010 chiếm 89,23% và 2011 là 91,12%.

2.2.4. Quan hệ giữa huy động vốn và sử dụng vốn

Việc quản lý tính phù hợp về quy mô, kỳ hạn của nguồn huy

động và nguồn cho vay là vấn đề được đặt lên hàng đầu của chi nhánh trong điều kiện hiện nay. Đó là việc quản lý sự phù hợp của tài sản nợ với sự phù hợp của tài sản có, phù hợp về huy động với sử dụng nguồn một cách tổng quát chứ không chỉ là việc cho vay. Đây là nhiệm vụ của phòng Tổng hợp của Vietcombank Quy Nhơn. Sau khi tính toán, cân đối về kỳ hạn của nguồn vốn huy động, các khoản đến hạn, các khoản cho vay, phần còn lại phòng Tổng hợp cũng phải tính toán và xác định các kỳ hạn cho những khoản tiền gửi Vietcombank TW sao cho phù hợp và vẫn đảm bảo tối đa hóa lợi nhuận.

2.2.5. Quan hệ giữa huy động vốn và khả năng thanh khoản

Trong cơ cấu huy động vốn của toàn hệ thống Vietcombank thì nguồn tiền gửi trên thị trường 1 chiếm trên 70% tổng nguồn vốn. Trong đó đóng góp đáng kể về nguồn huy động thuộc về các chi nhánh lớn như chi nhánh Hồ Chí Minh, Sở giao dịch, Hà Nội... Việc điều phối nguồn vốn chung và đảm bảo thanh khoản thuộc về trách nhiệm của Vietcombank TW. Khi nguồn vốn huy động từ thị trường 1 trên toàn hệ thống không đủ đáp ứng nguồn vốn sử dụng, Vietcombank TW cần tính toán để huy động trên thị trường 2.

2.3. PHÂN TÍCH CÁC NHÂN TỐ CƠ BẢN ẢNH HƯỞNG ĐẾN HOẠT ĐỘNG HUY ĐỘNG VỐN TẠI VIETCOMBANK QUY NHƠN

2.3.1. Nhân tố lãi suất

So với các NHTM khác mà cụ thể nhất là các NHTM nhà nước trên địa bàn tỉnh Bình Định thì yếu tố lãi suất trong 3 năm qua từ 2009-2011 của Vietcombank Quy Nhơn là gần như kém cạnh tranh nhất. Đây không phải là thế mạnh để có thể mang khách hàng

đến cho Vietcombank Quy Nhơn. Vì vậy kết quả huy động vốn của chi nhánh chưa thật sự nổi bật trên địa bàn.

2.3.2. Công nghệ cung ứng dịch vụ và thủ tục ngân hàng

Dựa trên lợi thế luôn là ngân hàng hàng đầu áp dụng công nghệ hiện đại và hiệu quả trong hoạt động kinh doanh. Thực tế là trong năm 2001, VCB là ngân hàng đầu tiên áp dụng mô hình bán lẻ giao dịch một cửa tại Việt Nam. Ứng dụng công nghệ thông tin đã hỗ trợ tích cực cho Vietcombank Việt Nam nói chung và chi nhánh Quy Nhơn nói riêng trong công tác quản trị điều hành, quản lý nghiệp vụ, phát triển sản phẩm, gia tăng tiện ích nhằm đáp ứng yêu cầu của khách hàng; đồng thời giúp ngân hàng tăng cường kiểm soát, hạn chế rủi ro, giảm thiểu chi phí, rút ngắn thời gian xử lý nghiệp vụ ...

2.3.3. Các chương trình quảng cáo, khuyến mãi

Trước diễn biến phức tạp của thị trường, VCB xác định công tác huy động vốn là nhiệm vụ trọng tâm, ưu tiên hàng đầu và xuyên suốt trong năm. VCB một mặt tuân thủ các quy định của NHNN, mặt khác đã linh hoạt đưa ra các giải pháp đẩy mạnh huy động vốn như tăng cường chăm sóc khách hàng, đa dạng hóa các sản phẩm huy động, mang lại tối đa các lợi ích có thể cho khách hàng.

2.4. ĐÁNH GIÁ CHUNG HOẠT ĐỘNG HUY ĐỘNG VỐN TẠI VIETCOMBANK QUY NHƠN TRONG THỜI GIAN QUA

2.4.1. Kết quả

- Về quy mô, cơ cấu huy động

Là một chi nhánh trong hệ thống Vietcombank, trong những năm qua nguồn vốn huy động của Vietcombank Quy Nhơn đã có những đóng góp đáng kể giúp cho Vietcombank đáp ứng được phần lớn nhu cầu tăng trưởng tài sản về cả quy mô, kết cấu và có những kết quả tương đối khả quan.

- Về các hình thức huy động

Một trong những kết quả đã được của VCB Quy Nhơn trong công tác huy động vốn đó là các hình thức huy động vốn ngày một đa dạng và hoàn thiện với các hình thức như huy động tiền gửi giao dịch và phi giao dịch. Đây là thay đổi tích cực của VCB nói chung, chi nhánh Quy Nhơn nói riêng trong tiến trình hội

- Về chính sách khách hàng và chất lượng dịch vụ khách hàng

Các yếu tố này tại Vietcombank Quy Nhơn ngày càng được cải thiện trong các năm qua. Chi nhánh đã mở rộng các kênh và hình thức giao dịch để tăng cường khả năng tiếp cận, phục vụ khách hàng. Tạo dựng văn hóa Vietcombank Quy Nhơn trong mỗi nhân viên. Mỗi nhân viên tại chi nhánh luôn ý thức về việc giới thiệu, bán các sản phẩm của ngân hàng mọi lúc mọi nơi.

2.4.2. Hạn chế và nguyên nhân

a. Hạn chế

- Về quy mô, cơ cấu huy động

Cơ cấu nguồn vốn huy động cũng chưa thật sự hợp lý. Tỷ trọng tiền gửi thanh toán trong tổng nguồn vốn huy động còn chiếm tỷ lệ thấp. Trong năm 2011 có xu hướng giảm so với năm 2010. Điều này chưa phù hợp với chiến lược của Vietcombank là hướng tới ngân hàng bán lẻ .

Hiệu quả quản lý vốn chưa cao. Qua các năm 2009-2011, Vietcombank Quy Nhơn huy động vốn không đủ để cho vay nên phải đi vay Vietcombank TW rất nhiều để đáp ứng nhu cầu sử dụng vốn.

- Về hình thức huy động:

Các sản phẩm huy động vốn của Vietcombank nói chung và của chi nhánh Quy Nhơn nói riêng vẫn chỉ dừng lại ở hình thức truyền thống, chưa có sản phẩm thiết kế riêng biệt cho từng đối tượng khách hàng khác nhau. Tính đa dạng và phong phú của các hình thức huy động vốn là một nhân tố không thể thiếu nhằm huy động vốn, nhất là huy động vốn từ các TCKT và từ dân cư.

- Về chính sách khách hàng và chất lượng dịch vụ khách hàng

Hoạt động marketing tại chi nhánh đã được cải thiện trong thời gian gần đây nhưng chưa thật sự chuyên nghiệp và hiệu quả. Còn nhiều điểm cần phải bổ sung và tiếp tục cải tiến. Hoạt động nghiên cứu thị trường, nhu cầu khách hàng, đối thủ cạnh tranh chưa được tiến hành một cách thường xuyên và có hệ thống.

b. Nguyên nhân

Nguyên nhân khách quan

Nguyên nhân chủ quan

KẾT LUẬN CHƯƠNG 2

Chương 2 đi vào giới thiệu khái quát quá trình hình thành và phát triển của VCB Quy Nhơn. Đồng thời, đề tài đã giới thiệu về thực trạng huy động vốn tại VCB Quy Nhơn từ năm 2009-2011. Từ đó phân tích các nhân tố ảnh hưởng đến công tác huy động vốn tại chi nhánh. Nêu ra những thành tựu đạt được cũng như các hạn chế làm ảnh hưởng đến hiệu quả công tác tăng cường huy động vốn tại VCB Quy Nhơn. Vấn đề là làm thế nào tìm ra các giải pháp tăng cường huy động vốn tại VCB Quy Nhơn. Chương 3 sẽ giới thiệu các giải pháp mà chi nhánh có thể áp dụng để tăng cường hiệu quả công tác huy động vốn.

CHƯƠNG 3

CÁC GIẢI PHÁP NHẪM TĂNG CƯỜNG HUY ĐỘNG VỐN TẠI NGÂN HÀNG TMCP NGOẠI THƯƠNG VIỆT NAM – CHI NHÁNH QUY NHƠN

3.1. CÁC ĐỊNH HƯỚNG NHẪM TĂNG CƯỜNG CÔNG TÁC HUY ĐỘNG VỐN TẠI VIETCOMBANK QUY NHƠN

3.1.1. Định hướng chung của Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam

Định hướng công tác huy động vốn của Vietcombank trong thời gian tới là:

- Duy trì tốc độ tăng trưởng vốn bình quân từ 20%-30%/năm, tỷ lệ an toàn vốn tối thiểu CAR đạt từ 10%-12% .
- Đảm bảo an toàn thanh khoản trong hệ thống là tiêu chí hàng đầu, chi phối các quy định kinh doanh của hệ thống.
- Đa dạng hóa các hình thức huy động. Trong tương lai gần sẽ phát hành trái phiếu quốc tế vay vốn nước ngoài nhằm tài trợ cho các dự án đầu tư dài hạn, có tính khả thi cao.
- Xây dựng cơ cấu nguồn vốn hợp lý, phù hợp với mục tiêu và yêu cầu phát triển hoạt động kinh doanh của Vietcombank, kiểm soát chi phí hợp lý.
- Trên cơ sở nội lực của Vietcombank, đưa ra được chiến lược huy động vốn phù hợp, có sức cạnh tranh trên thị trường để tăng trưởng nguồn vốn với chi phí hợp lý.
- Đẩy mạnh hoạt động marketing và tăng cường công tác chăm sóc khách hàng. Tăng tỷ trọng huy động vốn từ dân cư để đảm bảo nguồn vốn ổn định.

- Tuân thủ chặt chẽ các quy định của NHNN về lãi suất. Áp dụng chính sách lãi suất nội bộ phù hợp để khuyến khích các chi nhánh trong hệ tăng cường công tác huy động vốn.

3.1.2. Định hướng của Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam- chi nhánh Quy Nhơn

a. Định hướng hoạt động

Định hướng phát triển trong ngắn hạn

Định hướng phát triển trong 5 năm tiếp theo

b. Định hướng trong công tác huy động vốn

Tiếp tục phát huy các thế mạnh trong công tác huy động vốn và phấn đấu đạt tốc độ tăng trưởng huy động vốn từ các thành phần của nền kinh tế khoảng 30% so với năm 2011. Cụ thể :

- Xây dựng chính sách khách hàng, cải tiến chất lượng phục vụ và chăm sóc khách hàng tiền gửi hiện có. Tích cực tìm kiếm, tiếp cận khách hàng mới, nhất là các TCKT có số dư tiền gửi lớn.

- Tăng cường công tác quảng cáo và tiếp thị đối với các sản phẩm huy động vốn. Đa dạng hóa các hình thức huy động.

- Hoàn thiện chính sách ưu đãi phí đối với khách hàng TCKT và cá nhân có số dư tiền gửi lớn để sử dụng làm công cụ hữu hiệu trong công tác thu hút khách hàng tiền gửi mới.

- Nhanh chóng triển khai phòng khách hàng VIP để phục vụ một cách tốt nhất các khách hàng lớn của chi nhánh.

3.2. CÁC GIẢI PHÁP NHẪM TĂNG CƯỜNG CÔNG TÁC HUY ĐỘNG VỐN TẠI VIETCOMBANK QUY NHƠN

3.2.1. Nâng cao chất lượng dịch vụ ngân hàng

3.2.2. Xây dựng chính sách khách hàng hợp lý

3.2.3. Nâng cao tính chủ động trong công tác huy động vốn

3.2.4. Áp dụng phương pháp trả lương dựa trên hiệu suất lao

động

3.3. KIẾN NGHỊ

3.3.1. Kiến nghị với Chính phủ

a. Duy trì sự ổn định kinh tế vĩ mô và kiềm chế lạm phát

Môi trường kinh tế vĩ mô ảnh hưởng rất lớn đến công tác huy động vốn của NHTM. Ổn định nền kinh tế vĩ mô sẽ góp phần ổn định tâm lý và tạo niềm tin của dân chúng đối với chính sách kinh tế vĩ mô của Chính phủ. Việc này có ý nghĩa rất lớn trong công tác huy động vốn từ các thành phần kinh tế trong xã hội của NHTM.

b. Tái cơ cấu NHTM và các TCTD

Đây là một trong các nội dung của nhiệm vụ tái cơ cấu nền kinh tế được Bộ kế hoạch và đầu tư đưa ra nhằm hoàn thiện hoạt động của NHTM theo hướng giảm số lượng, tăng quy mô, nâng cao chất lượng tín dụng và hoạt động ngân hàng. Hiện nay ở nước ta có quá nhiều ngân hàng với quy mô nhỏ, khả năng cạnh tranh kém. Bên cạnh đó, sự mở rộng quá mức quy mô tín dụng trong điều kiện quản lý thanh khoản của các ngân hàng còn nhiều bất cập, các NHTM đã sử dụng nguồn vốn ngắn hạn để cho vay trung và dài hạn quá nhiều.

c. Hoạt động bảo hiểm tiền gửi

Việc giới hạn về số tiền bảo hiểm làm các NHTM hạn chế khả năng huy động vốn tiền gửi đối với những món tiền gửi lớn. Vì vậy về lâu dài mức bảo hiểm tiền gửi cần được áp dụng theo hướng gia tăng theo một tỷ lệ nhất định đối với số tiền thực gửi của khách hàng. Có như vậy vừa đảm bảo tính công bằng cho khách hàng gửi tiền, vừa góp phần gia tăng hiệu quả huy động vốn của các NHTM.

3.3.2. Kiến nghị với Ngân hàng Nhà nước

a. Về chính sách tiền tệ

Về việc quy định tỷ lệ dự trữ bắt buộc của NHTM ảnh

hưởng đến nguồn vốn khả dụng của ngân hàng và chủ trương phân bổ nguồn vốn huy động của ngân hàng. Vì vậy dựa vào tình hình thực tế NHNN cần áp dụng tỷ lệ dự trữ bắt buộc sao cho phù hợp, vừa đảm bảo an toàn thanh khoản vừa giúp cho NHTM tận dụng hiệu quả nguồn vốn huy động của mình vào các hoạt động sinh lời.

b. Hỗ trợ phát triển thanh toán không dùng tiền mặt

NHNN tiếp tục thực hiện đồng bộ các giải pháp để mở rộng thanh toán không dùng tiền mặt. NHNN tạo điều kiện và phối hợp với các NHTM cùng với các cơ quan có liên quan trong việc phát triển hình thức thanh toán không dùng tiền mặt như thanh toán thẻ, chi trả lương qua hệ thống ATM, kết nối hệ thống ATM giữa các NHTM, thu các loại phí, lệ phí, tiền điện, tiền nước, tiền điện thoại qua hệ thống tài khoản ngân hàng hoặc thông qua hệ thống ATM.

c. Hỗ trợ các NHTM nâng cao năng lực quản trị rủi ro

NHNN cần hoàn thiện hơn nữa các quy chế thanh tra, giám sát, nâng cao hiệu quả thanh tra ngân hàng. Tăng cường khả năng dự báo rủi ro của các NHTM, xây dựng mô hình dự báo khoa học và chính xác. NHNN cần phối hợp với các NHTM trong việc hoàn thiện các phương thức giám sát, thiết lập hệ thống cảnh báo sớm và phát hiện kịp thời những TCTD có dấu hiệu khó khăn trong hoạt động, tiến hành đánh giá, xếp loại chất lượng hoạt động của các TCTD.

3.3.3. Kiến nghị với Ngân hàng TM CP Ngoại thương Việt Nam

a. Đa dạng hóa và nâng cao chất lượng các sản phẩm huy động tiền gửi

Vietcombank cần phải xây dựng và triển khai các hình thức tiền gửi mang tính thông minh, có sự liên kết giữa các loại hình tiền gửi, góp phần tăng tiện ích, tiết kiệm thời gian và chi phí cho khách

hàng. Vietcombank cần nghiên cứu phát triển các sản phẩm mang tính đa năng và linh hoạt, có thể đáp ứng được nhu cầu của nhiều nhóm khách hàng khác nhau.

b. Chính sách lãi suất

Theo thông tư số 04/2011/TT-NHNN của NHNN Việt Nam quy định về việc áp dụng lãi suất trong trường hợp tổ chức, cá nhân rút tiền gửi trước hạn tại TCTD. Theo đó VCB đang áp dụng quy định lãi suất rút trước hạn bằng lãi suất không kỳ hạn. Quy định này gây thiệt thòi cho khách hàng gửi tiền có nhu cầu rút trước hạn, do đó sẽ làm giảm tính hấp dẫn của các sản phẩm huy động vốn. Vì vậy VCB cần theo dõi diễn biến các quy định về lãi suất rút trước hạn của NHNN để có những điều chỉnh mức lãi suất rút trước hạn theo hướng linh hoạt và hợp lý.

c. Hiện đại hóa công nghệ ngân hàng

Công nghệ ngân hàng là một trong những yếu tố quan trọng hàng đầu của hoạt động ngân hàng. Để chất lượng công tác huy động vốn nói riêng và các hoạt động dịch vụ khác ngày càng được nâng cao, đáp ứng nhu cầu khẩn trương của khách hàng, đòi hỏi Vietcombank phải không ngừng nâng cấp, cải tiến công nghệ để trở thành công cụ hỗ trợ đắc lực cho nhân viên của hệ thống Vietcombank.

KẾT LUẬN CHƯƠNG 3

Trên cơ sở lý luận đã nêu ở chương 1 và phần phân tích đánh giá thực trạng trong Chương 2. Chương 3 đã đưa ra được các giải pháp nhằm tăng cường công tác huy động vốn tại Vietcombank Quy Nhơn. Các giải pháp này được đưa ra dựa trên cơ sở nghiên cứu thực tiễn, trong quá trình làm việc tại chi nhánh Quy Nhơn vì vậy hy vọng phần nào sẽ giải quyết được những vướng mắc, khó khăn trong công tác huy động vốn tại Vietcombank Quy Nhơn.

KẾT LUẬN

Hệ thống NHTM nước ta đang ngày càng phát triển mạnh mẽ, đóng vai trò trung gian điều hòa vốn của nền kinh tế, thực hiện huy động một khối lượng vốn lớn từ nhiều nguồn khác nhau trong và ngoài nước. Trên cơ sở đó, tạo động lực thúc đẩy hoạt động sản xuất kinh doanh, đầu tư, phục vụ các mục đích tiêu dùng trong dân cư và nhiều mục tiêu kinh tế xã hội khác. Công tác huy động vốn, đặc biệt là huy động vốn tiền gửi từ các TCKT và dân cư là một khâu quan trọng trong hoạt động kinh doanh của NHTM, tạo nguồn lực để ngân hàng mở rộng kinh doanh, đầu tư sinh lời. Tuy nhiên, khả năng huy động vốn của các ngân hàng hiện nay vẫn còn nhiều hạn chế và gặp nhiều khó khăn do sự biến động của nền kinh tế trong và ngoài nước, tâm lý của khách hàng và những nguyên nhân chủ quan từ phía ngân hàng... Do đó, các NHTM rất cần có những biện pháp, chính sách hợp lý để huy động, khai thác hiệu quả nguồn vốn tiền gửi từ TCKT và dân cư cũng như cần có sự hỗ trợ và tạo điều kiện đồng bộ, kịp thời từ Chính phủ, NHNN Việt Nam và các cơ quan ban ngành có liên quan.

Trong xu hướng toàn cầu hóa nền kinh tế nói chung, các hoạt động tài chính nói riêng thì các hoạt động của các ngân hàng có rất nhiều vấn đề mới cần được nghiên cứu và triển khai cho phù hợp với yêu cầu thực tiễn và thông lệ quốc tế. Việc nghiên cứu, áp dụng các giải pháp về huy động vốn là vấn đề quan trọng và cấp thiết nhằm góp phần nâng cao hiệu quả kinh doanh của ngân hàng, đảm bảo an toàn về vốn và tạo điều kiện để Vietcombank Quy Nhơn tồn tại và phát triển trong môi trường kinh tế thời kỳ mở cửa. Trên cơ sở vận

dụng các phương pháp nghiên cứu, bám sát mục tiêu, phạm vi nghiên cứu bài luận văn này đã hoàn thành được một số nhiệm vụ đặt ra:

- Hệ thống hóa lý luận về nguồn vốn, công tác huy động vốn tại các NHTM và những nhân tố ảnh hưởng.

- Phân tích thực trạng nguồn vốn huy động của Vietcombank Quy Nhơn về cả số lượng, cơ cấu, giá cả...trong mối quan hệ với công tác sử dụng vốn. Từ đó chỉ ra những hạn chế và nguyên nhân trong công tác huy động vốn.

- Trên cơ sở các yêu cầu và định hướng huy động vốn của Vietcombank và chi nhánh Quy Nhơn, luận văn đưa ra các giải pháp cơ bản để nâng cao năng lực huy động vốn tại Vietcombank Quy Nhơn.

Hy vọng rằng với những giải pháp cơ bản trên, hoạt động huy động vốn của Vietcombank Quy Nhơn sẽ được cải thiện về quy mô, cơ cấu, kỳ hạn, phục vụ tốt hơn cho công tác sử dụng vốn tại Vietcombank Quy Nhơn.

Vì thời gian có hạn và kiến thức chưa được đầy đủ, luận văn sẽ không tránh khỏi những sai sót, tôi rất mong nhận được sự góp ý của Quý Thầy, Cô để luận văn được hoàn thiện hơn.

Cuối cùng, tôi xin chân thành cảm ơn Quý Thầy, Cô đã cho tôi những kiến thức và phương pháp nghiên cứu để tôi có thể vận dụng và hoàn thành luận văn này. Tôi cũng xin đặc biệt cảm ơn Giáo viên hướng dẫn PGS.TS Nguyễn Ngọc Vũ đã tận tình hướng dẫn và đóng góp nhiều ý kiến quý báu cho tôi trong suốt quá trình hoàn thành luận văn này.